

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:01/2021/HS-ST
Ngày:05-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Toán, bà Trần Thị Phúc.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh L tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Tuyên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Dương Anh T; sinh năm 1981 tại Đ; nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm mộc; Trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Quốc I và bà Nguyễn Thị E; vợ là Trương Thị Kim D; có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 24/3/2020 đến nay.

2. Nguyễn Văn S; sinh năm 1966 tại H; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Lương Thị N; vợ là Nông Thị M; có 03 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 32/HSST ngày 21/9/1990 bị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Hà Nội xử 12 tháng tù về

tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”. Chấp hành xong hình phạt tù năm 1991. Bị bắt tạm giam từ ngày 16/5/2020 đến nay.

3. Ngô Văn T; sinh năm 1985 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn 1, xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn Thảo và bà Nguyễn Thị Trang; vợ là Trần Thị Loan; có 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 20/01/2020 đến ngày 27/3/2020 được tại ngoại.

4. Bùi Văn H; sinh năm 1986 tại Hòa Bình; Nơi cư trú: Thôn 3, xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Q và bà Bùi Thị N; vợ là Ka I; có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 21/10/2019 đến ngày 18/3/2020 được tại ngoại.

5. Quách Công T; sinh năm 1983 tại Hòa Bình; Nơi cư trú: Thôn 9, xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Công R và bà Bùi Thị G; vợ là Ka U; có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 20/10/2019 đến ngày 17/3/2020 được tại ngoại.

6. Lê Thanh T; sinh năm 1991 tại Thái Nguyên; nơi cư trú: Thôn C, xã O, huyện B, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh Nhàn và bà Nông Thị Phòng; vợ là Ka Ngã; có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 21/10/2019 đến ngày 18/3/2020 được tại ngoại.

Nguyên đơn dân sự: Ban Quản lý rừng phòng hộ Z; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện D, tỉnh L; người đại diện hợp pháp: Ông Lê Trọng Luận - Trưởng Ban.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông K'C; sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn E, L, B, L
2. Anh K'D; sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn E, L, B, L.
3. Anh K'V; sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn E, L, B, L.
4. Anh K'Ê; sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn E, L, B, L.
5. Anh K'N; sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn E, L, B, L.
6. Ông K'P; sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn E, L, B, L.

7. Anh K'S; sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn E, L, B, L.
 8. Ông K'A; sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn E, L, B, L.
 9. Anh K'D; sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn E, L, B, L.
 10. Anh K'R; sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn E, L, B, L.
 11. Anh K'T; sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn E, L, B, L.
 12. Anh Vi Văn H; sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn E, L, B, L.
 13. Anh K' X; sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn E, L, B, L.
 14. Ông K' F; sinh năm 1974; nơi cư trú; Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh L.
 15. Anh K'S; sinh năm 1982; nơi cư trú; Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh L.
 16. Anh K'Y; sinh năm 1995;nơi cư trú; Thôn 13, xã L, huyện B, tỉnh L.
 17. Anh K'Â; sinh năm 1995;nơi cư trú; Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh L.
 18. Anh K'Ă; sinh năm 1987; nơi cư trú; Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh L.
 19. Anh K'W; sinh năm 1994;nơi cư trú; Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh L.
 20. Anh K'J; sinh năm 1995;nơi cư trú; Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh L.
 21. Anh K' Si (tên gọi khác: K' Sin); sinh năm 1987;nơi cư trú; Thôn C, xã L, huyện B, tỉnh L.
 22. Anh K'Dư; sinh năm 1997;nơi cư trú; Thôn 9, xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm, tỉnh L.
 23. Anh Lâm Văn T; sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn Đa Kim, xã Đa Mi, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.
- (Anh Lâm Văn T vắng mặt. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình tuần tra bảo vệ rừng, Ban Quản lý rừng phòng hộ Z phát hiện việc khai thác trái phép gỗ thuộc địa bàn quản lý nên tổ chức lực lượng mật phục. Đến 16 giờ ngày 18/10/2019 bắt được Quách Công T tại hiện trường khai thác gỗ trái phép, 02 đối tượng còn lại bỏ chạy. Kết quả điều tra vụ việc như sau:

Phát hiện bãi gỗ Giỏi tại rừng tự nhiên khu vực “Đồi Bà Đăng” thuộc lô a, khoảnh 6, tiểu khu 713 xã H, huyện D, tỉnh L. Các bị cáo Dương Anh T, Nguyễn Văn S, Ngô Văn T nảy sinh ý định cùng nhau khai thác gỗ bán. Sau đó Nguyễn Văn S, Ngô Văn T và Dương Anh T bàn bạc và thống nhất khai thác lấy gỗ xẻ thành hộp loại có kích thước chiều rộng từ 40cm trở lên, chiều dài từ 1,6m đến 2m, độ dày từ 10cm trở lên (gọi là “hàng mặt”) để bán với giá 20.000.000 đồng/01m³, lấy gỗ tận thu có kích thước chiều rộng từ 20cm - 40cm, chiều dài từ 1,6m - 2m, độ dày từ 10cm trở lên (gọi là “hàng xương”) để bán với giá 18.000.000 đồng/01m³. Thỏa thuận và phân chia vai trò cụ thể như sau: Đối với Dương Anh T có nhà ở gần khu vực khai thác sẽ chịu trách nhiệm cung cấp nhu yếu phẩm, canh gác nắm tình hình, theo dõi tiến độ khai thác, vận chuyển gỗ, trả tiền công cưa, tiền vận chuyển, tiền xe cùng các chi phí khác và được hưởng với giá 17.000.000 đồng/01m³ đối với “hàng mặt”, 15.000.000 đồng/01m³ đối với “hàng xương”. Đối với Nguyễn Văn S, Ngô Văn T chịu trách nhiệm thuê thợ cưa, thợ kéo gỗ, phương tiện vận chuyển và tìm mối bán với giá nêu trên và được hưởng phần tiền bán gỗ còn lại sau khi đã thanh toán cho Dương Anh T.

Thực hiện thỏa thuận, các bị cáo Sang, Tráng đã thuê các bị cáo Quách Công T, Bùi Văn H khai thác, xẻ gỗ thành hộp theo hình thức khoán với giá 2.000.000 đồng/1m³. Sang ứng trước cho Tài, Hòa 900.000 đồng chi phí ban đầu. Biết tin có người thuê khai thác gỗ nên bị cáo Lê Thanh T xin đi theo phụ và được Tài, Hòa đồng ý trả công cho Lê Thanh T 300.000 đồng/ngày. Sau đó, bị can Tráng dẫn Tài, Hòa và Lê Thanh T đến địa điểm khai thác gỗ ở khu vực rừng “Đồi Bà Đăng” thuộc tiểu khu 713, xã Hòa Bắc, D, L để chỉ vị trí những cây gỗ Giỏi cần khai thác. Trong thời gian từ ngày 07/10/2019 đến ngày 17/10/2019, bị cáo Tài và bị cáo Hòa đã trực tiếp sử dụng cưa máy cầm tay cưa đổ 06 cây gỗ Giỏi và xẻ thành hộp, bị cáo Lê Thanh T phụ lẩn lóng, bật mực và nấu ăn. Sau khi khai thác được gỗ, bị cáo Tài và bị cáo Hòa điện thoại báo cho Dương Anh T biết để vận chuyển gỗ đi tiêu thụ làm hai đợt. Cụ thể:

- Đợt 1: Sau khi Dương Anh T báo cho biết đã khai thác, xẻ thành hộp được khoảng 02m³ gỗ Giỏi. Bị cáo Sang và bị cáo Tráng liên hệ thuê nhóm anh K'Chém kéo gỗ đã khai thác từ rừng về tập kết tại thôn Đakim, Đami, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận với tiền công là 560.000 đồng/1hộp gỗ. Sau đó, K'Chém huy động người đi kéo gỗ vào ngày 10 và 11/10/2019 gồm K'C, K'D, K'V, K'Z, K'N, K'I, K'U, K'T, K'W, K'H, K'Y, Vi Văn H và K'A. Cách kéo

gỗ là sử dụng móc sắt và dây thừng, dùng sức người kéo 24 hộp gỗ Giỏi về từ vị trí khai thác về tập kết ở bìa rừng tại thôn Đakim, Đami, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận. Sau đó Dương Anh T thuê ông Lâm Văn Tú dùng xe máy cày chở gỗ từ khu vực tập kết ra để ở gần nhà Dương Anh T nhưng không nói nguồn gốc gỗ cho ông Lâm Văn T biết. Sau khi được Dương Anh T báo tin đã tập kết gỗ ra ngoài, bị cáo Sang thuê một người tên là Tr (không rõ nhân thân lai lịch) dùng xe ô tô tải chở gỗ từ xã Đami, huyện T, B đến thành phố BL, tỉnh L nhưng cũng không nói rõ nguồn gốc gỗ cho Tr biết. Sau đó các bị cáo Dương Anh T, Nguyễn Văn S, Ngô Văn T vận chuyển gỗ đến thành phố BL, tỉnh L đo đạc được khoảng $2,4\text{m}^3$ gỗ Giỏi đã xẻ thành hộp và bán được số tiền 40.000.000đồng, số tiền này Ngô Văn T và Nguyễn Văn S trả tiền công cưa gỗ cho nhóm T, H, Lê Thanh T 5.000.000đồng, trả tiền công kéo gỗ cho nhóm K'Chém 14.000.000đồng, Dương Anh T trả tiền thuê xe tải 5.000.000 đồng và tiền thuê máy cày 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại các bị cáo Tráng, Sang và Dương Anh T chia nhau như đã thỏa thuận.

- Đợt 2: Từ ngày 13/10/2019 đến ngày 15/10/2019, các bị cáo Dương Anh T, Nguyễn Văn S, Ngô Văn T thuê nhóm Tài và nhóm K'Den gồm 09 người là K'Den, K'Sơn, K'Huy, K'Huân, K'Uyin, K'Drim, K'Sáng, K'Sinh, K'Dưỡng ở xã Lộc Nam, Bảo Lâm, sử dụng móc sắt, dây thừng và dùng sức người kéo hơn 30 hộp gỗ Giỏi từ tiểu khu 713 ra ngoài đi tiêu thụ như đợt 01 với tiền công là 5.500.000 đồng/ m^3 . Sau đó vận chuyển đến thành phố Bảo Lộc bán khoảng hơn 03m^3 gỗ Giỏi đã xẻ thành hộp được 50.000.000đồng, dùng trả tiền công cưa gỗ cho Tài, Hòa và Lê Thanh T khoảng 5.000.000đồng; trả tiền công kéo gỗ khoảng 18.000.000đồng; trả tiền thuê xe tải 4.000.000đồng; trả tiền thuê máy cày là 1.000.000đồng; còn lại Sang được chia khoảng 5.000.000đồng; Tráng khoảng 4.500.000đồng; Dương Anh T được khoảng 12.000.000 đồng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường vụ án xác định vị trí các bị cáo khai thác gỗ trái phép tại lô a, khoảnh 6, tiểu khu 713 thuộc địa bàn xã Hòa Bắc, D, L, là khu vực rừng phòng hộ là rừng tự nhiên do Ban quản lý rừng phòng hộ Hòa Bắc – Hòa Nam được giao quản lý, bảo vệ. Tại hiện trường có 08 cây gỗ Giỏi và 01 cây Bạch Tùng đã bị cưa hạ, khai thác trái pháp luật với khối lượng lâm sản bị thiệt hại là $28,366\text{m}^3$ (quy ra gỗ tròn). Quá trình điều tra các bị cáo Dương Anh T, Nguyễn Văn S, Ngô Văn T, Lê Thanh T, Quách Công T, Bùi Văn Hoà chỉ khai nhận đã khai thác 06 cây gỗ Giỏi trái pháp luật, gây thiệt hại

khối lượng lâm sản là $19,443\text{m}^3$ (quy ra gỗ tròn), trong đó vận chuyển mang đi bán là $11,684\text{m}^3$, còn lại tại hiện trường là $7,759\text{m}^3$. Tại kết luận định giá tài sản số 74/KL-HĐĐG ngày 27/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện D kết luận khối lượng lâm sản bị thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị can gây ra là $19,433\text{m}^3$ gỗ có giá trị là 159.560.000 đồng. Số lâm sản còn lại tại hiện trường đã được thu gom và bán đấu giá được 44.500.000 đồng, tiền gửi tại tài khoản tạm gửi của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D tại Kho bạc Nhà nước huyện D.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng liên quan đến việc khai thác gỗ trái phép gồm: 01 máy cưa cầm tay nhãn hiệu Fujikawa KANTA 088 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của Quách Công T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL của Ngô Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung của Dương Anh T; 02 chiếc nồi bằng kim loại là vật dụng nấu ăn trong quá trình khai thác gỗ; 08 sợi dây thừng; 10 cái móc sắt.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Trước khi xét xử, các bị cáo đã nộp tiền để bồi thường, khắc phục hậu quả như sau: Bị cáo Ngô Văn T đã nộp 20.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn S đã nộp 20.000.000 đồng, bị cáo Dương Anh T đã nộp 20.000.000 đồng, bị cáo Lê Thanh T đã nộp 7.000.000 đồng; bị cáo Bùi Văn H đã nộp 8.000.000 đồng; bị cáo Quách Công T đã nộp 15.000.000 đồng. Về phía Ban Quản lý rừng phòng hộ Hòa Bắc – Hòa Nam có văn bản yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại với số tiền 159.560.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 45a/Ctr-VKS ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh L đã truy tố các bị cáo Dương Anh T, Ngô Văn T, Nguyễn Văn S, Bùi Văn H, Quách Công T, Lê Thanh T về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và đề nghị được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Đại diện Ban Quản lý rừng phòng hộ Z yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại với số tiền 159.560.000 đồng.

Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật như Cáo trạng đã nêu. Đề nghị tuyên bố các bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo

vệ rừng và lâm sản”. Đề nghị áp dụng Điều 17, Điều 38, điểm b và điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54, điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo, áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Văn T và bị cáo Lê Thanh T. Xử phạt các bị cáo Dương Anh T, Nguyễn Văn S từ 18 đến 24 tháng tù; các bị cáo Quách Công T, Bùi Văn H từ 15 đến 18 tháng tù; bị cáo Ngô Văn T từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo; bị cáo Lê Thanh T từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo. Đề nghị sung công quỹ số tiền bán đấu giá gỗ 44.500.000 đồng, buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Hòa Bắc – Hòa Namsố thiệt hại còn lại 115.060.000 đồng. Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước đối với các vật chứng là 01 máy cưa cầm tay nhãn hiệu Fujikawa KANTA 088 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của Quách Công T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL của Ngô Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung của Dương Anh T. Đối với các vật chứng khác là 02 chiếc nồi bằng kim loại; 08 sợi dây thừng; 10 cái móc sắt không có giá trị sử dụng đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ đầu tháng 10 năm 2019 đến ngày 18 tháng 10 năm 2019, các bị cáo Dương Anh T, Ngô Văn T, Nguyễn Văn S, Bùi Văn H, Quách Công T, Lê Thanh T đã cùng nhau khai thác trái phép 06 cây gỗ Giổi tại khu vực rừng phòng hộ là rừng tự

nhiên thuộc lô a, khoảnh 6, tiểu khu 713 thuộc địa bàn xã Hòa Bắc, D, L do Ban quản lý rừng phòng hộ Z được giao quản lý, bảo vệ gây thiệt hại khối lượng lâm sản là 19,443m³ (quy ra gỗ tròn). Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như kết luận của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về vai trò của từng bị cáo và mức hình phạt: Các bị cáo Dương Anh T, Ngô Văn T, Nguyễn Văn S có vai trò khởi xướng, thuê các bị cáo khác thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép, tổ chức vận chuyển để bán lấy tiền chia nhau. Vì vậy, hành vi của các bị cáo này có mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác trong vụ án. Đối với bị cáo Bùi Văn H, bị cáo Quách Công T mặc dù là người làm thuê nhưng đã trực tiếp thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép, hành vi của bị cáo Bùi Văn H, Quách Công T có mức độ nguy hiểm cho xã hội không bằng hành vi của các bị cáo Dương Anh T, Ngô Văn T, Nguyễn Văn S nhưng nguy hiểm hơn hành vi của bị cáo Lê Thanh T là người bắt mực, nấu ăn giúp việc cho các bị cáo trong quá trình khai thác gỗ trái phép. Do đó, các bị cáo Bùi Văn H, Quách Công T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Lê Thanh T nhưng thấp hơn các bị cáo Dương Anh T, Ngô Văn T, Nguyễn Văn S.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hoàn cảnh của các bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; trước khi xét xử các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Văn S, Dương Anh T đã nộp mỗi bị cáo 20.000.000 đồng; bị cáo Lê Thanh T nộp 7.000.000 đồng; bị cáo Bùi Văn H nộp 8.000.000 đồng; bị cáo Quách Công T nộp 15.000.000 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Dương Anh T, Ngô Văn T, Bùi Văn H, Quách Công T, Lê Thanh T đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Ngô Văn T hiện bị bệnh tim, trong quá trình điều tra Nhà tạm giữ Công an huyện D phải có văn bản đề nghị cho bị cáo tại ngoại để điều trị. Đối với bị cáo Nguyễn Văn S có nhân thân xấu vì đã bị Tòa án nhân dân huyện S, Thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” tại Bản án số 32/HSST ngày 21/9/1990.

[5] Qua ý kiến luận tội và đề nghị hướng xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật. Song vì động cơ vụ lợi mà các bị cáo đã có hành vi phạm tội như đã nêu trên. Hành vi phạm tội của các bị cáo làm cạn kiệt nguồn tài nguyên rừng, ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và quản lý hành chính của Nhà nước. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng, cách ly các bị cáo Dương Anh T, Nguyễn Văn S, Bùi Văn H, Quách Công Tra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phục vụ công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương. Sau khi xem xét vai trò của từng bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Thanh T, Bùi Văn H, Quách Công T là phù hợp. Đối với bị cáo Lê Thanh T, Ngô Văn T có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Bị cáo Lê Thanh T không trực tiếp thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép mà chỉ tham gia với vai trò giúp sức cho các bị cáo khác. Bị cáo Ngô Văn T hiện là lao động chính nuôi 03 con nhỏ đều dưới 08 tuổi, gia đình thuộc diện đặc biệt khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, hiện bị cáo lại đang bị bệnh tim phải thường xuyên điều trị tại bệnh viện. Do đó, cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo Lê Thanh T, Ngô Văn T được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật.

[6] Đối với K'C, K'D, K'V, K'Z, K'N, K'I, K'U, K'T, K'W, K'H, K'Y, Vi Văn H và K'A.; K' Đ; K' S; K' H; K' U; K' Uy; K' D; K' Si; K' X; K'Dư; Lâm Văn T là những người các bị cáo thuê vận chuyển gỗ được các bị cáo trả tiền công, khi thuê các bị cáo không nói về nguồn gốc gỗ khai thác trái phép nên không xem xét trách nhiệm của họ như đề nghị của Viện kiểm sát là đúng pháp luật. Về đối tượng tên Tr là người được các bị cáo thuê chở gỗ và đối tượng mua gỗ chưa xác định nhân thân lai lịch, chưa làm rõ được hành vi liên quan; đối với 03 cây gỗ được đánh số 06, 07, 08 tại theo Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ án, quá trình điều tra, không có căn cứ xác định các bị cáo là người mua hạ, khai thác nên cơ quan có thẩm quyền sẽ tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý theo quy định pháp luật là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tổng khối lượng gỗ các bị cáo khai thác trái phép gây thiệt hại 159.560.000 đồng. Trong đó khối lượng gỗ còn lại tại hiện trường đã thu gom bán đấu giá được 44.500.000 đồng cần sung vào công quỹ Nhà nước. Đối với thiệt hại còn lại là 115.060.000 đồng cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường Ban quản lý rừng Hòa Bắc – Hòa Nam để nộp vào ngân sách Nhà nước. Do các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Văn S, Dương Anh T đã nộp mỗi bị cáo 20.000.000 đồng bồi thường nên cần buộc các bị cáo này bồi thường bằng số tiền 20.000.000 đồng đã nộp. Số thiệt hại còn lại 55.060.000 đồng cần buộc các bị cáo Bùi Văn H, Quách Công T, Lê Thanh T mỗi bị cáo bồi thường 18.350.300 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với các vật chứng là 01 máy cưa cầm tay nhãn hiệu Fujikawa KANTA 088 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của Quách Công T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL của Ngô Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung của Dương Anh T. Những vật chứng này được các bị cáo sử dụng để liên lạc, cưa gỗ trong quá trình phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với các vật chứng khác là 02 chiếc nồi bằng kim loại; 08 sợi dây thừng; 10 cái móc sắt không có giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều là dân lao động có thu nhập thấp, cuộc sống khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Cần buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Dương Anh T, Ngô Văn T, Nguyễn Văn S đã nộp đủ tiền bồi thường nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đối với bị cáo Quách Công T đã nộp 15.000.000 đồng nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Bùi Văn H đã nộp 8.000.000 đồng nên phải chịu $(18.350.300 \text{ đồng} - 8.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 517.500 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Lê Thanh T đã nộp 7.000.000 đồng nên phải chịu $(18.350.300 \text{ đồng} - 7.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 567.500 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Dương Anh T, Ngô Văn T, Nguyễn Văn S, Bùi Văn H, Quách Công T, Lê Thanh T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

Áp dụng Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm b và điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, điểm d khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Dương Anh T, Ngô Văn T, Nguyễn Văn S, Bùi Văn H, Quách Công T, Lê Thanh T; áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Bùi Văn H, Quách Công T, Lê Thanh T; áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Ngô Văn T, Lê Thanh T.

- Xử phạt bị cáo Dương Anh T 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2020.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 16 tháng 5 năm 2020.

Tiếp tục giam các bị cáo Dương Anh T, Nguyễn Văn S để bảo đảm thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 21 tháng 10 năm 2019 đến ngày 18 tháng 3 năm 2020.

- Xử phạt bị cáo Quách Công T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 20 tháng 10 năm 2019 đến ngày 17 tháng 3 năm 2020.

- Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Bị cáo phải chấp hành thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án (05 tháng 01 năm 2020).

- Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Bị cáo phải chấp hành thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án (05 tháng 01 năm 2020).

Giao các bị cáo Ngô Văn T, Lê Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm, tỉnh L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của tại Điều 92 Luật hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian

thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Dương Anh T, Ngô Văn T, Nguyễn Văn S, Bùi Văn H, Quách Công T, Lê Thanh T liên đới bồi thường cho Ban quản lý rừng Hòa Bắc – Hòa Nam số tiền 115.060.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước. Trong đó các bị cáo Dương Anh T, Ngô Văn T, Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải bồi thường 20.000.000 đồng; các bị cáo Bùi Văn H, Quách Công T, Lê Thanh T mỗi bị cáo phải bồi thường 18.350.300 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền bán đấu giá gỗ 44.500.000 đồng đã được Công an huyện D gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện D theo giấy nộp tiền ngày 14/7/2020.

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước của bị cáo Quách Công T 01 máy cưa cầm tay nhãn hiệu Fujikawa KANTA 088 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; của bị cáo Ngô Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Ite; của bị cáo Dương Anh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung. Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc nồi bằng kim loại, 08 sợi dây thừng, 10 cái móc sắt. (Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/7/2020 giữa Công an huyện D và Chi cục Thi hành án dân sự D).

- Tạm giữ số tiền các bị cáo đã nộp tại để bảo đảm thi hành án gồm:

- + Bị cáo Dương Anh T 10.000.000 theo biên lai thu số: AA/2017/0002149 ngày 15/7/2020 và 10.000.000 theo biên lai thu số: AA/2017/0002143 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D;

- + Bị cáo Ngô Văn T 14.000.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2017/0002146 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D và

6.000.000 đã được Công an huyện D gửi vào Kho bạc Nhà nước huyện D theo Giấy nộp tiền ngày 17/6/2020;

+ Bị cáo Nguyễn Văn S 15.000.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2017/0002147 ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D và 5.000.000 được Công an huyện D gửi vào Kho bạc Nhà nước huyện D theo Giấy nộp tiền ngày 17/6/2020;

+ Bị cáo Quách Công T 15.000.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2010/07746 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự D;

+ Bị cáo Bùi Văn H 8.000.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2010/07744 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự D;

+ Bị cáo Lê Thanh T 7.000.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2010/07745 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự D.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Dương Anh T, Ngô Văn T, Nguyễn Văn S, Bùi Văn H, Quách Công T, Lê Thanh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Quách Công T phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Bùi Văn H phải nộp thêm 517.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Lê Thanh T phải nộp thêm 567.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Nhà tạm giữ công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Bộ phận Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh L;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Sỹ